

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm cho Khoa Giải phẫu bệnh năm 2026;

2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm;

3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh;

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 12 tháng;

7. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu;

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Trước 16 giờ 00, ngày 31/01/2026;

9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Nguyễn Văn Dũng

Số điện thoại: 028.3952.5942

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (B11-144-nvdung) (02).

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ

Nguyễn Hữu Thịnh



PHỤ LỤC PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm Công văn số /BVĐHYD-VTTB, ngày tháng năm 2026)

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
1	Kháng thể bcl-2	Kháng thể bcl-2 (dòng SP66 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	500	
2	Kháng thể Cytokeratin 5/6	Kháng thể Cytokeratin 5/6 (dòng D5/16B4 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	400	
3	Kháng thể PAX-5	Kháng thể PAX-5 (dòng SP34 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	150	
4	Kháng thể Cytokeratin 19	Kháng thể Cytokeratin 19 (dòng A53-B/A2.26 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	400	
5	Kháng thể HSA (Hepatocyte Specific Antigen)	Kháng thể Hepatocyte Specific Antigen (Heppar-1) (dòng OCH1E5 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	200	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
6	Kháng thể WT1	Kháng thể WT1 (dòng 6F-H2 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	200	
7	Kháng thể CD31	Kháng thể CD31 (dòng JC70 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	150	
8	Kháng thể TdT	Kháng thể đa dòng kháng TdT (polyclonal) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	100	
9	Kháng thể Glypican-3	Kháng thể Glypican-3 (dòng 1G12 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	250	
10	Kháng thể GATA3	Kháng thể GATA3 (dòng L50-823 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	250	
11	Kháng thể CD45 (LCA)	Kháng thể CD45 (LCA) (đa dòng 2B11 & PD7/26) hoặc dòng tương đương đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	200	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
12	Kháng thể Actin	Kháng thể Actin smooth muscle (dòng 1A4 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	350	
13	Kháng thể CEA	Kháng thể CEA (dòng CEA31 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	100	
14	Kháng thể Napsin A	Kháng thể Napsin A (dòng MRQ-60 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	400	
15	Kháng thể MUM1	Kháng thể MUM1 (dòng EP190 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	250	
16	Dung dịch đệm hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch	Dung dịch rửa dạng cô đặc (10x) chứa dung dịch đệm Tris. Phù hợp đệm rửa trên các hệ thống nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có sử dụng dung dịch dầu trong quy trình nhuộm. Bình tối thiểu 2 lít.	Lít	290	x
17	Kháng thể ER	Kháng thể Estrogen Receptor (dòng SP1 hoặc dòng tương đương) dạng pha sẵn, đóng gói trong các ống phân phối tự động bằng máy, dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	1.200	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
18	Kháng thể Vimentin	Kháng thể Vimentin (dòng V9 hoặc dòng tương đương) dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch định tính các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	250	
19	Kháng thể S100	Kháng thể S100 (dòng 4C4.9 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	800	
20	Kháng thể Synaptophysin	Kháng thể Synaptophysin (dòng SP11 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	950	
21	Kháng thể Chromogranin A	Kháng thể Chromogranin A (dòng LK2H10 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	650	
22	Kháng thể CD5	Kháng thể CD5 (dòng SP19 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	450	
23	Kháng thể CD30	Kháng thể CD30 (dòng Ber-H2 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	250	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
24	Kháng thể Protein P53	Kháng thể p53, (dòng DO-7 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	350	
25	Kháng thể Epithelial Membrane Antigen (EMA)	Kháng thể Epithelial Membrane Antigen (EMA) (dòng E29 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	200	
26	Kháng thể Desmin	Kháng thể Desmin (dòng DE-R-11 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	400	
27	Kháng thể PMS2	Kháng thể PMS2 (dòng A16-4 hoặc dòng tương đương) dạng pha sẵn, đóng gói trong các ống phân phối tự động bằng máy, dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	800	
28	Kháng thể CD68	Kháng thể CD68 (dòng KP-1 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	200	
29	Kháng thể Cyclin D1	Kháng thể Cyclin D1 (dòng SP4-R hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	300	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
30	Kháng thể Melanosome (HMB45)	Kháng thể Melanosome (HMB45) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	250	
31	Kháng thể đa dòng từ dê kháng trực tiếp IgM người.	Kháng thể đa dòng dạng pha sẵn, được đóng gói trong ống phân phối, thiết kế để sử dụng cho phương pháp nhuộm miễn dịch huỳnh quang tự động hoàn toàn trên máy, được đánh dấu huỳnh quang và kháng trực tiếp IgM người.	Test	300	x
32	Kháng thể đa dòng từ dê kháng trực tiếp IgG người.	Kháng thể đa dòng dạng pha sẵn, được đóng gói trong ống phân phối, thiết kế để sử dụng cho phương pháp nhuộm miễn dịch huỳnh quang tự động hoàn toàn trên máy, được đánh dấu huỳnh quang và kháng trực tiếp IgG người.	Test	300	x
33	Kháng thể đa dòng từ dê kháng trực tiếp IgA người.	Kháng thể đa dòng dạng pha sẵn, được đóng gói trong ống phân phối, thiết kế để sử dụng cho phương pháp nhuộm miễn dịch huỳnh quang tự động hoàn toàn trên máy, được đánh dấu huỳnh quang và kháng trực tiếp IgA người.	Test	300	x
34	Kháng thể đa dòng từ dê kháng trực tiếp Fibrinogen ở người.	Kháng thể đa dòng dạng pha sẵn, được đóng gói trong ống phân phối, thiết kế để sử dụng cho phương pháp nhuộm miễn dịch huỳnh quang tự động hoàn toàn trên máy, được đánh dấu huỳnh quang và kháng trực tiếp Fibrinogen người.	Test	150	x
35	Kháng thể kháng trực tiếp chuỗi nhẹ globulin miễn dịch kappa ở người, dạng đậm đặc	Dùng cho chẩn đoán in vitro. Được dùng để chứng minh chuỗi nhẹ kappa trong mô và cũng có thể được sử dụng cho các kỹ thuật phát quang miễn dịch huỳnh quang khác Thành phần: Liên hợp Chuỗi nhẹ kháng Kappa người, được sản xuất từ phần globulin miễn dịch tinh khiết của kháng huyết thanh thỏ. được cung cấp ở dạng lỏng trong dung dịch đệm photphat chứa >14 mmol/L NaN ₃ , pH từ 7 đến 7,2. nồng độ kháng thể ≥200 mg/L Tỷ lệ FITC/protein mol ≥ 2,4. Lọ tối thiểu 2ml	Lọ	1	x
36	Kháng thể kháng trực tiếp chuỗi nhẹ globulin miễn dịch Lamda ở người, dạng đậm đặc	Dùng cho chẩn đoán in vitro. Được dùng để chứng minh chuỗi nhẹ lambda trong mô và cũng có thể được sử dụng cho các kỹ thuật phát quang miễn dịch huỳnh quang khác Thành phần: Liên hợp Chuỗi nhẹ kháng Lambda người, được sản xuất từ phần globulin miễn dịch tinh khiết của kháng huyết thanh thỏ. được cung cấp ở dạng lỏng trong dung dịch đệm photphat chứa >14 mmol/L NaN ₃ , pH từ 7 đến 7,2. nồng độ kháng thể ≥200 mg/L Tỷ lệ FITC/protein mol ≥ 2,4. Lọ tối thiểu 2ml	Lọ	1	x
37	Chai phân phối kháng thể 2ml	Chai rộng, dung tích 2ml, đựng mẫu thử chuyên dụng kèm nắp, dùng một lần, chuyên dùng cho kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang. Mỗi chai được mã hóa 2D tiện lợi cho việc kiểm soát hóa chất.	Cái	25	x
38	Kháng thể đa dòng từ dê kháng trực tiếp C1q người.	Kháng thể đa dòng dạng pha sẵn, được đóng gói trong ống phân phối, thiết kế để sử dụng cho phương pháp nhuộm miễn dịch huỳnh quang tự động hoàn toàn trên máy, được đánh dấu huỳnh quang và kháng trực tiếp C1q người.	Test	50	x

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
39	Kháng thể đa dòng từ dê kháng trực tiếp C3 người.	Kháng thể đa dòng dạng pha sẵn, được đóng gói trong ống phân phối, thiết kế để sử dụng cho phương pháp nhuộm miễn dịch huỳnh quang tự động hoàn toàn trên máy, được đánh dấu huỳnh quang và kháng trực tiếp C3 người.	Test	300	x
40	Kháng thể CD117	Kháng thể CD117 (dòng EP10 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	700	
41	Kháng thể p16	Dùng để định tính kháng nguyên p16 trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	700	
42	Kháng thể CD56	Kháng thể CD56 (dòng MRQ-42 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	700	
43	Kháng thể GFAP	Kháng thể GFAP (Glial Fibrillary Acidic Protein) (dòng EP672Y hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	250	
44	Kháng thể bcl-6	Kháng thể bcl-6 (dòng GI191E/A8 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	400	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
45	Kháng thể DOG-1	Kháng thể DOG-1 (dòng SP31 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	350	
46	Kháng thể CDX-2	Kháng thể CDX-2 (dòng EPR2764Y hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	450	
47	Kháng thể PAX8	Kháng thể PAX8 (dòng MRQ-50 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	300	
48	Dung dịch đệm rửa Saline-sodium citrate (SSC)	Dung dịch SSC cô đặc có chứa dung dịch natri chloride, natri citrate và Triton X100. Bình tối thiểu 2 lít.	Lít	4	x
49	Mực in nhãn tiêu bản Hóa mô miễn dịch	Ruy băng mực in nhãn cho tiêu bản. Cuộn in tối thiểu 7.000 nhãn.	Hộp	3	x
50	Dung dịch dầu phủ tiêu bản nhuộm hóa mô miễn dịch	Dung dịch pha sẵn chứa hydrocarbon no, tỷ trọng thấp và dầu khoáng. Bình tối thiểu 2 lít.	Lít	596	x
51	Dung dịch khử sáp trong nhuộm hóa mô miễn dịch	Dung dịch khử paraffin khỏi mẫu mô trong các phản ứng hóa mô miễn dịch và lai tại chỗ, và để pha loãng Saline sodium citrate (SSC) trong quá trình rửa nghiêm ngặt trong phản ứng lai tại chỗ. Bình tối thiểu 2 lít.	Lít	94	x
52	Dung dịch bột lộ kháng nguyên Citrate	Dung dịch đệm citrate ở pH acid yếu, có khả năng thủy phân các liên kết cộng hóa trị được tạo bởi formalin ở nhiệt độ cao. Bình tối thiểu 1 lít.	Lít	3	x
53	Dung dịch bột lộ kháng nguyên Tris	Dung dịch đệm Tris ở pH bazơ yếu, có khả năng thủy phân các liên kết cộng hóa trị được tạo bởi formalin trong mô ở nhiệt độ cao. Bình tối thiểu 1 lít.	Lít	128	x
54	Dung dịch pha loãng kháng thể sơ cấp chứa Casein	Dung dịch pha loãng kháng thể sơ cấp chứa dung dịch đệm phosphat và protein <25 mM (casein và globulin dê), có chứa muối, EDTA và chất bảo quản. Dung tích tối thiểu 100ml.	Hộp	18	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
55	Bộ hóa chất nhuộm màu hóa mô miễn dịch	Bộ phát hiện màu bao gồm: (1) thuốc thử Inhibitor chứa hydrogen peroxide (2) đa kháng thể gắn cộng hợp HRP (3) thuốc thử Chromogen chứa 3, 3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride (4) hóa chất H ₂ O ₂ trong đệm phosphate (5) dung dịch đồng sulfate.	Test	19.500	x
56	Bộ hóa chất nhuộm màu hóa mô miễn dịch tăng cường	Bộ phát hiện màu tăng cường bao gồm: (1) Hóa chất ức chế Peroxidase chứa dung dịch hydrogen peroxide. (2) Hỗn hợp các kháng thể thứ cấp đánh dấu HQ. (3) Kháng thể thứ 3 là một kháng thể từ chuột kháng HQ được đánh dấu với HRP (4) Chất tạo màu 3, 3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride (DAB). (5) Hydrogen peroxide trong dung dịch đệm phosphate. (6) Dung dịch đồng sulfate.	Test	6.500	x
57	Bộ khuếch đại tín hiệu màu hóa mô miễn dịch	Bộ khuếch đại tín hiệu cho bộ phát hiện hóa mô miễn dịch màu nâu tăng cường bao gồm: (1) chất khuếch đại chứa tyramide gắn chất kết nối vận chuyển HQ (2) chất khuếch đại đa phân tử chứa kháng thể chuột kháng HQ và HRP (3) dung dịch H ₂ O ₂ .	Test	1.900	x
58	Nhãn tiêu bản Hóa mô miễn dịch	Nhãn in tiêu bản nhuộm, cuộn tối thiểu 500 nhãn.	Nhãn	37.800	x
59	Kháng thể Calretinin	Kháng thể Calretinin (dòng SP65 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	350	
60	Kháng thể kháng Her2/Neu	Kháng thể Her2/Neu (dòng 4B5 hoặc dòng tương đương) dạng pha sẵn, đóng gói trong các ống phân phối tự động bằng máy, dùng để bán định lượng kháng nguyên HER2 trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	550	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
61	Kháng thể PATHWAY anti-HER2	Kháng thể PATHWAY anti-HER2 (4B5) dạng pha sẵn, đóng gói trong các ống phân phối tự động bằng máy, dùng để bán định lượng kháng nguyên HER2 trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Được FDA chấp thuận hỗ trợ đánh giá những bệnh nhân ung thư vú đang cân nhắc điều trị bằng Herceptin® (trastuzumab) hoặc KADCYLA® (ado-trastuzumab emtansine) Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	550	
62	Kháng thể PR	Kháng thể Progesterone Receptor (dòng 1E2 hoặc dòng tương đương) dạng pha sẵn, đóng gói trong các ống phân phối tự động bằng máy, dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	1.000	
63	Kháng thể p63	Kháng thể p63 (dòng 4A4 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	900	
64	Kháng thể CD10	Kháng thể CD10 (dòng SP67 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	600	
65	Kháng thể PD-L1 (dòng SP263)	Kháng thể PD-L1 (dòng SP263) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. FDA chấp thuận dùng để xác định tính phù hợp cho liệu pháp điều trị miễn dịch trong ung thư phổi không tế bào nhỏ với thuốc: TECENTRIQ (atezolizumab); LIBTAYO (cemiplimab-rwlc) Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	400	x

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
66	Kháng thể MLH1	Kháng thể MLH1 (dòng M1 hoặc dòng tương đương) dạng pha sẵn, đóng gói trong các ống phân phối tự động bằng máy, dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	750	
67	Kháng thể MSH6	Kháng thể MSH6 (dòng SP93 hoặc dòng tương đương) dạng pha sẵn, đóng gói trong các ống phân phối tự động bằng máy, dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	750	
68	Kháng thể MSH2	Kháng thể MSH2 (dòng G219-1129 hoặc dòng tương đương) dạng pha sẵn, đóng gói trong các ống phân phối tự động bằng máy, dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	750	
69	Kháng thể CD4	Kháng thể CD4 (dòng SP35 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	200	
70	Kháng thể AFP	Kháng thể đa dòng kháng Alpha-Fetoprotein dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
71	Kháng thể CD8	Kháng thể CD8 (dòng SP239 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	200	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
72	Kháng thể ALK1	Kháng thể ALK1 (dòng ALK01 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
73	Kháng thể Calcitonin	Kháng thể Calcitonin dùng định tính Calcitonin polypeptide trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
74	Kháng thể Beta-Catenin	Kháng thể Beta-Catenin dùng định tính protein Beta-Catenin trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	100	
75	Kháng thể CD2	Kháng thể CD2 (dòng MRQ-11 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
76	Kháng thể CD7	Kháng thể đơn dòng kháng CD7 (dòng SP94 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	100	
77	Kháng thể CD21	Kháng thể CD21 (dòng EP3093 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	100	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
78	Kháng thể CD23	Kháng thể đơn dòng kháng CD23 (dòng SP23 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	100	
79	Kháng thể CD99	Kháng thể đơn dòng CD99 (dòng O13 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
80	Kháng thể c-Myc	Kháng thể đơn dòng kháng c-Myc (dòng Y69 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	150	
81	Kháng thể GLUT-1 (Glucose transporter -1)	Kháng thể đa dòng GLUT-1 (Glucose transporter -1) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
82	Kháng thể CD1a	Kháng thể đơn dòng kháng CD1a (dòng EP3622 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	100	
83	Kháng thể OCT-4	Kháng thể đơn dòng kháng OCT-4 (dòng MRQ-10 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
84	Kháng thể CD79a	Kháng thể đơn dòng kháng CD79a (dòng SP18 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	100	
85	Kháng thể Placental Alkaline Phosphatase (PLAP)	Kháng thể Placental Alkaline Phosphatase (PLAP) (dòng NB10 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
86	Kháng thể Thyroglobulin	Kháng thể đơn dòng Thyroglobulin (dòng 2H11+6E1 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
87	Kháng thể Inhibin	Kháng thể Inhibin (dòng alpha R1 hoặc dòng tương đương) đã được pha loãng tối ưu, dùng làm kháng thể sơ cấp trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
88	Kháng thể E-cadherin	Kháng thể E-cadherin dùng để phát hiện protein E-cadherin trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	100	
89	Kháng thể CD138	Kháng thể CD138 dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
90	Kháng thể p40	Kháng thể P40 (dòng BC28) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	150	
91	Kháng thể SALL4	Kháng thể SALL4 (dòng 6E3) hoặc dòng tương đương dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
92	Kháng thể Mammaglobin	Kháng thể đơn dòng kháng Mammaglobin (dòng 31A5 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
93	Kháng thể PSA	Kháng thể đa dòng kháng PSA (Prostate Specific Antigen) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
94	Kháng thể Myogenin	Kháng thể đơn dòng kháng Myogenin (dòng F5D hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
95	Kháng thể Androgen Receptor	Kháng thể dùng để phát hiện thụ thể androgen trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
96	Kháng thể Podoplanin	Kháng thể Podoplanin (dòng D2-40 hoặc dòng tương đương) dùng để phát hiện glycoprotein Podoplanin trong các lát cắt mô cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
97	Kháng thể RCC	Kháng thể Anti-Renal Cell Carcinoma (RCC) (dòng PN-15 hoặc dòng tương đương) để phát hiện glycoprotein GP200 trong các lát cắt mô cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
98	Kháng thể SATB2	Kháng thể SATB2 (dòng EP281 hoặc dòng tương đương) dùng để phát hiện protein SATB2 trong các lát cắt mô cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	200	
99	Kháng thể SOX10	Kháng thể SOX10 (dòng SP267 hoặc dòng tương đương) dùng để phát hiện protein SOX10 trong các lát cắt mô cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	100	
100	Kháng thể MUC2	Kháng thể MUC2 (dòng MRQ-18 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	100	
101	Kháng thể Arginase-1	Kháng thể Arginase-1 (dòng SP156 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
102	Kháng thể GRANZYME B	Kháng thể GRANZYME B (dòng EP230 hoặc dòng tương đương) dạng pha sẵn để sử dụng, dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Lọ tối thiểu 50 test	Test	50	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
103	Kháng thể C4d	Kháng thể C4d (dòng SP91 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
104	Kháng thể IDH1 R132H	Kháng thể IDH1 R132H (dòng MRQ-67 hoặc dòng tương đương) dùng phát hiện protein đột biến IDH1 R132H trong phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	150	
105	Kháng thể ATRX	Kháng thể ATRX đa dòng dùng phát hiện protein ATRX trong phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	150	
106	Kháng thể OLIG2	Kháng thể OLIG2 (dòng EP112 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	150	
107	Kháng thể NeuN	Kháng thể NeuN (dòng RBT-NeuN hoặc dòng tương đương) dạng pha sẵn để sử dụng, dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
108	Kháng thể INSM1	Kháng thể INSM1 (dòng MRQ-70 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	350	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
109	Kháng thể PRAME	Kháng thể PRAME (dòng EPR20330 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
110	Kháng thể IgG4	Kháng thể IgG4 (dòng MRQ-44 hoặc dòng tương đương) dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
111	Kháng thể IGG	Kháng thể IGG đa dòng, dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
112	Kháng thể IMP3	Kháng thể IMP3 (dòng 69.1 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
113	Kháng thể PD-1	Kháng thể PD1 (dòng NAT105 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
114	Kháng thể Claudin 4	Kháng thể Claudin 4 (dòng EP417 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	100	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
115	Kháng thể Glutamine synthetase	Kháng thể Glutamine synthetase (dòng GS6 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
116	Kháng thể SMAD4	Kháng thể SMAD4 (dòng MRQ-72 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	100	
117	Kháng thể MDM2	Kháng thể MDM2 (dòng IF2 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
118	Kháng thể CAIX	Kháng thể CAIX (dòng EP161 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
119	Kháng thể Uroplakin II	Kháng thể Uroplakin II (dòng MRQ-71 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
120	Kháng thể CALPONIN-1	Kháng thể CALPONIN-1 (dòng EP798Y hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	250	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
121	Kháng thể AMACR	Kháng thể AMACR (dòng SP116 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
122	Kháng thể CD43	Kháng thể CD43 (dòng L60 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
123	Kháng thể TRPS1	Kháng thể TRPS1 (dòng EP392 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
124	Kháng thể SF1	Kháng thể SF1 (dòng EP434 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
125	Kháng thể TFE3	Kháng thể TFE3 (dòng MRQ-37 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
126	Kháng thể SSTR2/5	Kháng thể SSTR2/5 (dòng EP149 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
127	Kháng thể RB1	Kháng thể RB1 (dòng 1F8 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.	Test	50	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
128	Kháng thể P57	Kháng thể P57 (dòng KP10 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
129	Kháng thể DAXX	Kháng thể DAXX (dòng EPR14153 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.	Test	50	
130	Kháng thể H-CALDESMON	Kháng thể H-CALDESMON (dòng H-CD hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
131	Kháng thể MYOD1	Kháng thể MYOD1 (dòng EP212 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
132	Kháng thể MUC5AC	Kháng thể MUC5AC (dòng MRQ19 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
133	Kháng thể EP-CAM	Kháng thể MYOD1 (dòng Ber-EP4 hoặc dòng tương đương), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	100	
134	Kháng thể Mycobacterium Tuberculosis	Kháng thể Mycobacterium Tuberculosis (đa dòng), dùng định tính kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin.	Test	100	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
135	Bộ kháng thể kép P16 và Ki67 dùng cho hóa tế bào miễn dịch	Bộ xét nghiệm hóa tế bào miễn dịch để phát hiện đồng thời protein p16 và Ki-67. Kháng thể dạng đơn dòng chuột p16 INK4a E6H4™, kháng thể đơn dòng thỏ Ki-67:274-11 AC3V1	Test	300	
136	Màu nhuộm nhân tế bào Hematoxylin II	Hematoxylin Mayer cải tiến, được dùng để nhuộm nhân tế bào trên tiêu bản chứa các tế bào từ mô đông lạnh, hoặc mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Thuốc thử chứa Hematoxylin với nồng độ ≤60% trong dung dịch glycol và acid acetic.	Test	41.000	x
137	Dung dịch khử màng tế bào Protease	Men alkaline protease có hoạt tính trong dung dịch ổn định enzyme (đệm Tris)	Test	700	
138	Hóa chất làm xanh nền hematoxylin	Dung dịch chứa lithium carbonate và natri carbonate dùng điều chỉnh màu hematoxylin thành màu xanh dương.	Test	43.000	x
139	Đoạn dò EBV EBER (ISH)	Mẫu dò xác định sớm RNA của Epstein Barr Virus bằng phương pháp lai tại chỗ (ISH) và kính hiển vi quang học, tế bào biểu hiện RNA mã hóa cho Epstein-Barr (EBER) trong các lát cắt mô cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Ống thuốc thử chứa đoạn dò đánh dấu huỳnh quang, được pha trong dung dịch đệm lai gốc formamide.	Test	100	
140	Kháng thể Kappa	Kháng thể Kappa (đa dòng), dùng định tính protein chuỗi nhẹ Kappa trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
141	Kháng thể Lambda	Kháng thể Lambda (đa dòng), dùng định tính protein chuỗi nhẹ Lambda trong nhuộm hóa mô miễn dịch các lát cắt mô được cố định bởi formalin, vùi trong paraffin. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	50	
142	Dung dịch nhuộm tương phản màu đỏ	Dung dịch nhuộm tương phản màu đỏ chứa nuclear fast red và nhôm sulfate, được sử dụng để hỗ trợ quan sát dưới kính hiển vi trường sáng cho ứng dụng lai tại chỗ. Dung dịch nhuộm tương phản màu đỏ được sử dụng với mô cố định bằng formalin, vùi trong paraffin.	Test	100	
143	Dung dịch khử màng tế bào Protease 3	Dung dịch khử màng tế bào Protease 3 được sử dụng để cắt bằng enzym các lát cắt mô cố định bằng formalin, vùi trong paraffin, hoặc mẫu tế bào. Dung dịch này loại bỏ protein bao quanh trình tự acid nucleic đích trong các ứng dụng lai tại chỗ. Ống thuốc thử chứa alkaline protease, trong dung dịch đệm Tris ổn định enzyme có chứa natri azide.	Test	200	
144	Bộ hóa chất tạo tín hiệu xanh dùng trong kỹ thuật lai tại chỗ.	Bộ hóa chất tạo tín hiệu xanh là hệ thống biotin streptavidin gián tiếp, để phát hiện các đoạn dò đã đánh dấu fluorescein. Bộ kit được dùng để xác định các đích bằng phương pháp lai tại chỗ trên các lát cắt mô cố định bằng formalin, vùi trong paraffin.	Test	200	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
145	Dung dịch rửa bạc trong nhuộm ISH	Dung dịch rửa bạc trong nhuộm ISH được sử dụng trong phòng xét nghiệm để cung cấp môi trường nước phù hợp trước bước phản ứng hóa học phát hiện bạc.	Lít	6	
146	Tiêu bản chứng dương EBER	Tiêu bản chứng dương EBER để sử dụng trên máy nhuộm tiêu bản tự động. Mỗi tiêu bản chứa hai hạt tế bào, một âm tính và một dương tính. Các tiêu bản được thiết kế để cho phép người sử dụng kiểm tra chức năng nhuộm lai hóa tại chỗ của máy và để xác nhận kết quả nhuộm thích hợp.	Slide	10	
147	Bộ dầu dò kép dùng cho kỹ thuật lai tại chỗ gen HER2 và NST 17, dạng pha sẵn	Ông thuốc thử chứa đoạn dò HER2 và đoạn dò Nhiễm sắc thể số 17, dùng xác định trạng thái gen HER2 bằng cách tính tỷ lệ gen HER2 trên Nhiễm sắc thể số 17 bằng phương pháp lai tại chỗ (ISH) và kính hiển vi quang học, trong các lát cắt mô cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Ông thuốc thử chứa đoạn dò đánh dấu huỳnh quang, được pha trong dung dịch đệm lai gốc formamide.	Test	120	
148	Tiêu bản chuẩn hóa xét nghiệm lai tại chỗ HER2 / Chr17	Tiêu bản mẫu mô dùng cho mục đích xác nhận sơ bộ phương pháp và trong các hoạt động khắc phục sự cố trong trường hợp mô thất bại, sử dụng cho xét nghiệm lai tại chỗ gắn bạc để đánh giá tỉ lệ giữa gen HER2 và nhiễm sắc thể số 17	Slide	20	x
149	Bộ phát hiện cho tín hiệu màu đen của gene HER2 trên mẫu lai tại chỗ, dạng pha sẵn	Bộ hóa chất phát hiện các mục tiêu được dán nhãn DNP. Bộ hóa chất này nhằm xác định các mục tiêu bằng phương pháp lai tạo tại chỗ (ISH) gắn bạc trong các phần của mô nhúng parafin, cố định bằng formalin	Test	120	x
150	Dung dịch tạo môi trường phản ứng cho kỹ thuật lai tại chỗ trên mẫu mô.	Dung dịch được sử dụng để pha loãng mẫu dò và tạo các điều kiện lai thích hợp trên tiêu bản. Là một dung dịch đệm trong formamide làm giảm nhiệt độ nóng chảy của các chuỗi axit nucleic, do đó tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình biến tính của axit nucleic mục tiêu.	ml	50	
151	Bộ phát hiện cho tín hiệu màu đỏ trong lai tại chỗ	Bộ hóa chất tạo tín hiệu đỏ là một hệ thống gián tiếp để phát hiện các đích đã đánh dấu DIG. Bộ hóa chất được sử dụng để xác định các đích bằng phương pháp lai tại chỗ (ISH) gắn chất tạo màu đỏ trên các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin.	Test	120	x
152	Bộ thuốc nhuộm Trichrome	Các lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá vận chuyển có dán nhãn mã vạch để đưa vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động. Mỗi bộ kit bao gồm: (1) Một chai thuốc thử có chứa formaldehyde, acid acetic và acid picric. (2) Một chai thuốc thử có chứa hematoxylin. (3) Một chai thuốc thử có chứa sắt chloride. (4) Một chai thuốc thử có chứa Biebrich scarlet, acid fuchsin. (5) Một chai thuốc thử có chứa acid phosphotungstic và acid phosphomolybdic. (6) Một chai thuốc thử có chứa xanh dương aniline. (7) Một chai thuốc thử có chứa acid acetic.	Test	60	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
153	Bộ thuốc nhuộm Reticulum II	Ống thuốc thử được cung cấp dưới dạng giá vận chuyển có nhãn mã vạch để nạp vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động. Mỗi bộ kit chứa: (1) Một lọ chứa kali permanganate. (2) Một lọ chứa acid oxalic. (3) Một lọ chứa sắt ammonium sulfate. (4) Một lọ chứa bạc carbonate. (5) Một lọ chứa formaldehyde. (6) Một lọ chứa vàng chloride. (7) Một lọ chứa natri thiosulfate. (8) Một lọ chứa Nuclear Fast Red và nhôm sulfate	Test	75	
154	Bộ thuốc nhuộm PAS	Các lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá vận chuyển có dán nhãn mã vạch để nạp vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động. Bộ thuốc nhuộm bao gồm: (1) Một lọ chứa acid periodic. (2) Ba lọ Schiff's Reagent chứa natri bisulfite, acid hydrochloric pha loãng, và pararosaniline chloride. (3) Một lọ chứa natri bisulfite. (4) Một lọ chứa hematoxylin.	Test	225	
155	Bộ thuốc nhuộm Jones	Các lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá vận chuyển có dán nhãn mã vạch để nạp vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động. Bộ thuốc nhuộm bao gồm: (1) Một lọ chứa khoảng acid periodic. (2) Một lọ chứa bạc nitrate. (3) Một lọ chứa natri borate và methenamine. (4) Một lọ chứa vàng chloride. (5) Một lọ chứa natri thiosulfate. (6) Một lọ chứa Hematoxylin Mayer cải tiến (chứa natri iodate và ethylene glycol). (7) Một lọ chứa Eosin Y trong dung dịch alcohol.	Test	40	
156	Màu nhuộm xanh dùng cho phép nhuộm Trichrome	Các lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá vận chuyển có dán nhãn mã vạch để nạp vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động. Một chai thuốc thử Trichrome Green chứa ít hơn hoặc bằng 1% màu xanh lá cây và 0.75% acid hydrochloride.	Test	75	
157	Bộ thuốc nhuộm Gram	Các lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá vận chuyển có dán nhãn mã vạch để nạp vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động. Mỗi bộ kit bao gồm: (1) Một lọ chứa tím tinh thể, ammonium oxalate monohydrate, và alcohol. (2) Một lọ chứa iod ổn định. (3) Một lọ chứa fuchsin cơ bản. (4) Một lọ chứa formaldehyde và acid acetic. (5) Một lọ chứa tartrazine và acid acetic. (6) Một lọ chứa xanh lá cây và acid acetic.	Test	75	
158	Bộ thuốc nhuộm Elastic	Các lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá vận chuyển có dán nhãn mã vạch để nạp vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động. Mỗi bộ kit bao gồm: (1) Một lọ chứa hematoxylin trong alcohol, ethanol và methanol. (2) Một lọ chứa ferric chloride. (3) Một lọ chứa potassium iodide và iodine. (4) Một lọ chứa ferric chloride và acetic acid. (5) Bốn lọ chén với ống hút.	Test	50	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
159	Alcian blue dùng cho phép nhuộm PAS	Lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá vận chuyển có dán nhãn mã vạch để nạp vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động. Bộ thuốc nhuộm gồm: (1) Một lọ chứa khoảng alcian blue trong dung dịch acid acetic. (2) Một lọ chèn với ống hút.	Test	75	
160	Bộ thuốc nhuộm GMS	Lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá vận chuyển có dán nhãn mã vạch để nạp vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động. Bộ thuốc nhuộm gồm: (1) Một lọ chứa chromium trioxide. (2) Một lọ chứa natri bisulfite. (3) Một lọ chứa bạc nitrate. (4) Hai lọ chứa natri borate và Methenamine. (5) Một lọ chứa vàng chloride. (6) Một lọ chứa natri thiosulfate. (7) Một lọ chứa light green SF vàng nhạt và acid acetic.	Test	450	
161	Dung dịch phủ tiêu bản chống bay hơi trong nhuộm đặc biệt	Dung dịch tạo lớp bảo vệ giữa các thuốc thử tan trong nước và không khí. Lớp bảo vệ này ngăn cản sự bay hơi, cung cấp môi trường ổn định ở dạng nước cho phản ứng nhuộm đặc biệt. Có thể hòa tan paraffin trong quá trình khử paraffin của các tiêu bản chứa mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin (FFPE)	Lít	6	x
162	Chất khử sáp nhuộm đặc biệt	Dung dịch hòa tan paraffin trong quá trình khử paraffin của các tiêu bản chứa mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin (FFPE)	Lít	2	x
163	Bộ dung dịch rửa tạo môi trường nhuộm đặc biệt	dung dịch cung cấp môi trường ổn định ở dạng nước để nhuộm mô học định tính các lát cắt mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin (FFPE) Bộ tối thiểu 200 test	Bộ	3	x
164	Bộ thuốc nhuộm AFB	Chất nhuộm mô học để hỗ trợ trong xác định chọn lọc Mycobacterium và các vi khuẩn kháng acid khác trong mô được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Các lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá dán sẵn nhãn mã vạch để đặt vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động, bao gồm: (1) Một chai chứa chất nhuộm fuchsin mới và chất hoạt động bề mặt không ion alcohol ethoxylate trong thuốc thử alcohol. (2) Một chai chứa methanol và acid sulfuric. (3) Một chai chứa xanh aniline và acid acetic.	Test	75	
165	Bộ thuốc nhuộm CONGO RED	Lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá vận chuyển có dán nhãn mã vạch để nạp vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động. Bộ thuốc nhuộm gồm: (1) Một lọ chứa khoảng Congo đỏ và isopropanol. (2) Một lọ chứa glycine và natri chloride. (3) Một lọ chứa hematoxylin.	Test	75	
166	Bộ thuốc nhuộm đồng	Bộ thuốc nhuộm đồng trên các lát cắt mô cố định bằng formalin, vùi trong paraffin. Các hóa chất trong bộ thuốc cho phép nhuộm không cần gia nhiệt quá 37 độ C. Mỗi bộ thuốc tối thiểu bao gồm: (1) Một lọ chứa sodium acetase (2) Một lọ chứa formaldehyde (3) Một lọ chứa thuốc nhuộm rhodanine (4) Một lọ chứa hematoxylin	Test	100	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
167	Bộ dung dịch rửa dùng cho Nhuộm đặc biệt	Các lọ thuốc thử được cung cấp trong các giá dán sẵn nhãn mã vạch để đặt vào khay thuốc thử của máy nhuộm tiêu bản tự động, bao gồm: (1) Một chai dung dịch làm sạch chứa 63% ethanol, khoảng 4% methanol, và acid hydrochloric 0.1N. (2) Một chai dung dịch làm sạch chứa 2% cetyltrimethylammonium bromide. (3) Một chai dung dịch làm sạch chứa 0.0015% ProClin 300, một chất bảo quản. (4) Một chai dung dịch làm sạch chứa 0.1N kali hydroxide. Dung tích tối thiểu mỗi lọ 25ml.	Bộ	25	
168	Bộ hóa chất cơ bản - vật tư cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch bằng công nghệ mao dẫn kết hợp chuyển động lam	Bộ hóa chất - vật tư tối thiểu phải có: - Lam kính chuyên dụng cho nhuộm hóa mô miễn dịch, có thể sử dụng đồng bộ với bộ hóa chất vật tư. - Dung dịch đệm Phosphate chứa hydrogen peroxide, 15 mmol/L NaN ₃ và chất tẩy rửa. - Dextran kết hợp với các phân tử peroxidase và các phân tử kháng thể thứ cấp của dê kháng immunoglobulin thỏ và chuột. Trong dung dịch đệm chứa protein ổn định và chất bảo quản - Dung dịch 3,3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride - Dung dịch đệm chứa hydrogen peroxide và chất bảo quản - Tris/EDTA buffer, pH 9, nồng độ 50x - Hóa chất nhuộm nhân hematoxylin - Dung dịch đệm rửa hệ thống chứa Tween 20, pH 7.6. gồm Sodium chloride, 2-Amino-2-(hydroxymethyl)propane-1,3-diol hydrochloride, Trometamol, Propane-1,2-diol, 5-bromo-5-nitro-1,3-dioxane.	Test	12.000	x
169	Dãi ống dùng pha trộn hóa chất trên hệ thống nhuộm hóa mô tự động	Dãi tube (dãi ống) trộn hóa chất, dùng để pha DAB+ và cơ chất với nhau. Một dãi tube gồm 10 giếng	Cái	240	
170	Dung dịch Sulfuric acid nồng độ 0.3M	Thành phần: Dung dịch Sulfuric acid nồng độ 0.3M Thích hợp trong việc rửa hệ thống máy nhuộm tiêu bản hóa mô miễn dịch tự động bằng phương pháp mao dẫn kết hợp chuyển động lam.	ml	6.075	
171	Chai phân phối kháng thể 30ml	Chai rộng, dung tích 30ml, đựng mẫu thử chuyên dụng kèm nắp, dùng một lần, chuyên dùng cho kỹ thuật hóa mô miễn dịch, hoặc lai tại chỗ trên hệ thống nhuộm tự động bằng công nghệ mao dẫn kết hợp chuyển động lam. Mỗi chai được mã hóa 2D tiện lợi cho việc kiểm soát hóa chất.	Cái	100	x

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
172	Bộ kit nhuộm hóa mô miễn dịch kháng thể PD-L1 (Programmed death -ligand 1) dòng 22C3	Kháng thể PD-L1 dòng 22C3, xét nghiệm hỗ trợ cho việc xác định bệnh nhân Ung thư phổi không tế bào nhỏ để điều trị bằng các liệu pháp miễn dịch. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất. Cung cấp bao gồm: - Kháng thể, Dung dịch bọc lộ kháng nguyên, Dung dịch tăng cường tín hiệu DAB - Lam kính chuyên dụng cho xét nghiệm hóa mô miễn dịch, có thể sử dụng đồng bộ với bộ hóa chất.	Test	900	x
173	Kháng thể CD3 dạng cô đặc	Kháng thể đa dòng kháng CD3 dạng cô đặc. Lọ tối thiểu 1ml. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Lọ	2	
174	Kháng thể CD20 dạng cô đặc	Kháng thể CD20 (dòng L26 hoặc dòng tương đương) dạng cô đặc. Lọ tối thiểu 1ml. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Lọ	2	
175	Kháng thể CK (Cytokeratin) dạng cô đặc	Kháng thể CK (Cytokeratin) (dòng AE1/AE3 hoặc dòng tương đương) dạng cô đặc. Lọ tối thiểu 1ml. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Lọ	2	
176	Kháng thể TTF-1 dạng cô đặc	Kháng thể đơn dòng TTF1 (Thyroid Transcription Factor) dòng 8G7G3/1 hoặc dòng tương đương dạng cô đặc. Lọ tối thiểu 1ml Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Lọ	2	
177	Kháng thể Ki-67 dạng cô đặc	Kháng thể Ki-67 Antigen, (dòng MIB-1 hoặc dòng tương đương) dạng đậm đặc. Lọ tối thiểu 1ml. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Test	2	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
178	Kháng thể Melan A	Kháng thể đơn dòng Melan A dạng cô đặc, được cung cấp ở dạng lỏng. Lọ tối thiểu 0,2ml. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Lọ	1	
179	Kháng thể cytokeratin 20(CK 20)	Kháng thể cytokeratin 20 (CK 20) dòng Ks20.8 hoặc dòng tương đương dạng cô đặc. Lọ tối thiểu 1ml. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Lọ	2	
180	Kháng thể CD15	Kháng thể kháng CD15 (dòng Carb-3 hoặc dòng tương đương) dạng cô đặc, được cung cấp ở dạng lỏng. Lọ tối thiểu 0,2ml. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Lọ	1	
181	Kháng thể CK7	Kháng thể CK7, dòng ov-t1 12/30 hoặc dòng tương đương dạng đậm đặc. Lọ tối thiểu 1ml. Kháng thể được cho phép để sử dụng cho phương pháp nhuộm hóa mô miễn dịch tự động có công nghệ phủ dầu khoáng bề mặt tiêu bản hoặc công nghệ nhuộm mao dẫn kết hợp chuyển động tiêu bản hoặc công nghệ khác tương đương để ổn định phản ứng, chống bay hơi hóa chất.	Lọ	2	
182	Eosin	Hóa chất nhuộm bào tương có đặc tính bắt màu nhanh, phân định thành phần tế bào rõ nét, không lẫn lộn màu tế bào nhân và tế bào chất. Thành phần có chứa: Ethyl alcohol từ 45%-65%, Methyl alcohol 3%-8%, Isopropyl alcohol 3%-8%, nước, acid acetic <1% và Eosin-Y <1%. Chai tối thiểu 400ml - Có chứng nhận IVD, FDA	Chai	70	
183	Lam kính dùng làm tiêu bản nhuộm Hóa miễn dịch	Lam kính kính điện hoặc phủ polysine hoặc chất khác có khả năng bám dính cao với mô vùi nền, mô cắt lạnh và tế bào học Kích thước: 25x75x1mm(± 0.1mm) Thành phần: SiO ₂ , Na ₂ O, CaO, MgO (không có hoặc không quá 6%), Al ₂ O ₃ ((không có hoặc không quá 3%), FeO (không quá 5%) Hàm lượng sắt rất thấp hoặc không có để hạn chế ảnh hưởng điện tích quá trình nhuộm Lam bằng thủy tinh siêu trắng, trong suốt, bề mặt kính sạch, phẳng, phù hợp với độ dày lát cắt mô từ 2 đến 5 micromet. Có vùng nhãn màu trắng với chiều dài >20mm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC, CFS	Cái	46.656	
184	Dao cắt mỏng	Lưỡi dao cắt mỏng dòng tốt nhất cho tất cả các loại mẫu: cắt lạnh, mẫu sinh thiết, mẫu lớn, mẫu xương, mẫu mô mềm... có góc nghiêng dao ≤ 34 độ, chất liệu chống rỉ sét, cắt được nhiều mẫu, ít mẻ và cùn dao, bên ngoài phủ lớp chống dính PTFE (Teflon)	Cái	10.350	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
185	Lá kính (lamen) kích thước 24 x 50 mm	Kích thước 24 x 50 mm, độ dày 0,16mm – 0,19mm, không bo góc dùng để dán các mẫu mô đúc khối, mẫu cắt lạnh, mẫu tế bào. Được thiết kế với kích thước và độ dày phù hợp để dùng được trên các dòng máy dán lamen tự động. Làm bằng thủy tinh borosilicate không màu.	Cái	254.100	x
186	Keo dán lá kính lên tiêu bản	Mounting Medium sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động, có độ nhớt thấp, khô nhanh, tương thích với các dung dịch có xylene hoặc không có xylene. Dùng dán được tối thiểu 6.000 lam	Chai	58	
187	Bộ thuốc nhuộm H&E - (Hematoxylin & Eosin); Đệm kiềm hóa màu nhân (Bluing Buffer); Keo dán lá kính lên tiêu bản (Mounting Medium); Lá kính (Cover Glasses)	Bộ kit nhuộm H&E sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động bao gồm: (1) Hematoxylin sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động, nhuộm nhân màu xanh, chai 1.000 ml nhuộm được tối thiểu 3.000 lam; (2) Eosin sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động, nhuộm tế bào chất, collagen và hồng cầu theo các màu từ hồng đến cam, chai 1.000ml nhuộm được tối thiểu 3.000 lam; (3) Bluing Buffer dùng làm đệm cho hematoxylin, chai 1.000 ml nhuộm được tối thiểu 3.000 lam; (4) Mounting Medium sử dụng cho máy nhuộm mẫu mô tự động, có độ nhớt thấp, khô nhanh, tương thích với các dung dịch có xylene hoặc không có xylene. Dùng dán được tối thiểu 6.000 lam; (5) Cover Glasses Kích thước 24 x 50 mm, không bo góc, dùng để dán các mẫu mô đúc khối, mẫu cắt lạnh, mẫu tế bào.	Test	150.000	x
188	Lá kính dán tiêu bản (lamen) 24x50mm	Lá kính dán tiêu bản, đảm bảo độ trong suốt, kích thước 24x50mm	Cái	248.400	
189	Bộ đầu in tiêu bản	Bộ đầu in tiêu bản phù hợp máy in chuyển nhiệt trên tiêu bản.	Bộ	3	x
190	Bộ đầu in Cassette	Bộ đầu in khung xử lý mô phù hợp máy in chuyển nhiệt trên cassette.	Bộ	3	x
191	Mực in lên tiêu bản hoặc cassette- trắng đen	Mực in trắng đen sử dụng được cho cả thiết bị in cassette và tiêu bản, in được 3000 lượt/cuộn đối với khung xử lý mô hoặc tiêu bản (dùng chung).	Cuộn	122	x
192	Khung nhựa xử lý mô (Cassette) lỗ lớn nhiều màu	Khung nhựa xử lý mô (Cassette) nhiều màu làm bằng vật liệu P.O.M, 100% kháng hóa chất xử lý mô, các ô nhỏ hình chữ nhật kích thước nhỏ hơn hoặc bằng 5.0 mm x 1.0 mm. Với 2 phần trống lớn bên hông và bề mặt nghiêng 45 độ, phù hợp dùng với máy in chữ số chuyển nhiệt. Các màu trắng, vàng, xanh, cam sẵn có, cung cấp theo màu được yêu cầu.	Cái	232.000	x
193	Khung nhựa xử lý mô (Cassette) lỗ nhỏ nhiều màu	Khung nhựa xử lý mô (Cassette) nhiều màu làm bằng vật liệu P.O.M, 100% kháng hóa chất xử lý mô, các ô nhỏ hình vuông kích thước nhỏ hơn hoặc bằng 0.9 mm x 0.9 mm. Với 2 phần trống lớn bên hông và bề mặt nghiêng 45 độ, phù hợp dùng với máy in chữ số chuyển nhiệt. Các màu trắng, vàng, xanh, cam sẵn có, cung cấp theo màu được yêu cầu.	Cái	99.000	x
194	Lam kính nhuộm tiêu bản H&E	Lam kính thủy tinh, có vùng nhãn màu trắng ăn màu bút chì, bút lông. Kích thước 25x75mm, độ dày 1-1,2mm, phù hợp với các loại máy in chữ số chuyển nhiệt trên lam.	Cái	431.568	x

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
195	Lam kính sử dụng cho mẫu phết tế bào	Lam kính bo góc, góc cắt 45 độ. Kích thước 25x75mm, độ dày từ 1mm đến 1,2mm. Lam có in sẵn vòng tròn để giới hạn quan sát phết tế bào trên kính hiển vi. Có vùng nhãn màu trắng ăn màu bút chì, bút lông. Có lớp phủ giúp tăng bám dính.	Cái	54.000	
196	Keo dán tiêu bản nhuộm miễn dịch huỳnh quang	Keo dán tiêu bản phù với mẫu mô hay phết tế bào quan sát bằng kính hiển vi quang học. Phù hợp với các tiêu bản có chromogen - chất dễ bị hòa tan trong dung môi hữu cơ và không tương thích với các loại keo dán không nước khác. Dung tích tối thiểu 15ml.	Lọ	3	
197	Hematoxylin	Gồm hai phần (muối đậm và hematoxylin) dễ dàng hoàn nguyên trong nước cất khi cần để tạo ra hematoxylin trực dụng: (1) Thành phần muối đậm: Aluminum ammonium sulfate dodecahydrate, Sodium Iodate. (2) Thành phần Hematoxylin: Gồm Hematoxylin và Aluminium ammonium sulfate dodecahydrate. Khối lượng tối thiểu của mỗi lọ thành phần 40 gram. Có chứng nhận IVD, FDA	Hộp	22	
198	Eosin Azur-50	Thành phần phải chứa đủ các chất để nhuộm màu bào tương sáng: Ethyl alcohol 75%-80%, Nước, Methyl alcohol 3%-5%, Isopropyl alcohol 3%-5%, Phosphotungstic acid < 1%, Bismark Brown < 1%, Eosin Y < 1%, Fast green FCF < 0.1%. - Chai tối thiểu 400ml - Có chứng nhận IVD, FDA	Chai	102	
199	Orange-6	Nhuộm keratin trong tế bào, thành phần các chất: Ethyl alcohol 70%-75%, Nước, Isopropyl alcohol 3%-5%, Methyl alcohol 3%-5%, Phosphotungstic acid < 1%, Orange-G < 1%. - Chai tối thiểu 400ml - Có chứng nhận IVD, FDA	Chai	102	
200	Mực đánh dấu ria phẫu thuật	Mực đánh dấu ria phẫu thuật màu xanh dương hoặc đen. Sử dụng cho đánh dấu bờ phẫu thuật, định hướng, phân biệt các mô khác nhau, dùng trên mẫu tươi và mẫu cố định Formol, khô nhanh. Chai tối thiểu 60ml Có chứng nhận IVD, FDA	Chai	65	
201	Mực đánh dấu ria phẫu thuật màu xanh lá	Mực đánh dấu ria phẫu thuật màu xanh lá. Mực đánh dấu ria phẫu thuật màu xanh lá. Sử dụng cho đánh dấu bờ phẫu thuật, định hướng, phân biệt các mô khác nhau, dùng trên mẫu tươi và mẫu cố định Formol, khô nhanh. Chai tối thiểu 60ml Có chứng nhận IVD, FDA	Chai	18	
202	Chất nền phủ mẫu cắt lạnh	Chất nền dạng gel tạo liên kết vững chắc với dụng cụ giữ mẫu giúp mẫu mô an toàn. Dễ hòa tan trong nước, bị loại bỏ trong quá trình nhuộm. Đông lạnh nhanh. - Có chứng nhận IVD, FDA	Chai	216	
203	Xylene sinh học (chất thay thế xylene)	Thành phần: hỗn hợp Isoparaffinic aliphatic hydrocarbons. Loại bỏ chất béo tuyệt đối trong xử lý mô. Không làm cho mẫu bị cứng hay dòn khi tăng thời gian tiếp xúc. Sử dụng được cho tất cả các máy xử lý mô và máy nhuộm tự động. Không benzene. Ít bay mùi. - Có chứng nhận IVD, FDA	Bình	621	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
204	Sáp hạt cố định mẫu	Paraffin rắn không chứa polyme, điểm nóng chảy trong khoảng 55 - 57 độ C. - Có chứng nhận IVD, FDA	kg	2.356	
205	Khay vận chuyển tiêu bản	Khay vận chuyển tiêu bản có nắp đậy, chất liệu nhựa hoặc bìa cứng, chứa được 20 tiêu bản.	Cái	50	
206	Giá gắn tiêu bản nhuộm H&E, sử dụng cho Hệ thống nhuộm tiêu bản và dán lamên tự động	Giá nhuộm thiết kế đảm bảo chỉ có phần lam được nhúng vào trong hóa chất (phần giá nhuộm không nhúng vào hóa chất) để giúp loại bỏ rủi ro nhiễm chéo hóa chất.	Cái	30	x
207	Chất nền khối tế bào	Chất giúp bao bọc và giữ lại mẫu có kích thước nhỏ hoặc nhớt; không nhận thấy khi , không bung ra khỏi khối nền trong trong quá trình cắt. Thành phần bao gồm: agarose, 2 hydroxyethyl ether, glycerin,...	Chai 10ml	40	
208	Bộ hóa chất, vật tư tách chiết tế bào bằng màng lọc	Mỗi bộ hóa chất, vật tư tối thiểu phải có: (1) Dung dịch bảo quản tế bào chứa methanol, pH < 6,5 (2) Dung dịch làm sạch bệnh phẩm, chứa methanol, có khả năng phá vỡ hồng cầu, làm sạch chất nhầy (3) Màng lọc tế bào có khả năng lọc và dán tế bào lên lam kính, kích thước lỗ lọc < 6 micron (4) Lam kính thủy tinh tích điện dương	Test	200	
209	Bộ dung dịch xét nghiệm tế bào cổ tử cung Liqui	Bộ dung dịch Liqui-Prep được ứng dụng theo kỹ thuật Liquid-Based Cytology (LBC) thế hệ thứ hai. - Bộ dung dịch ba thành phần cơ bản: chất bảo quản tế bào, chất làm sạch mẫu tế bào, chất kết nang tế bào lên lam kính. Tính năng ly giải các tạp chất, làm sạch tế bào, giúp cho Bác sĩ Giải Phẫu Bệnh quan sát rõ hơn và chẩn đoán chính xác cao hơn trong xét nghiệm tầm soát ung thư cổ tử cung. - Nhà thầu đặt máy để sử dụng hóa chất trứng thầu. - Có chứng nhận FDA	Bộ	60.300	
210	Sáp hạt	Paraffin rắn không chứa polyme, điểm nóng chảy trong khoảng 55 - 57 độ C. Thành phần: Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes: > 99, Microcrystalline wax: < 0.1 %, 2,6-Di-tert-butyl-p-cresol: < 0.05 %. Sáp tinh khiết, được lọc đến 3 lần $\leq 0,25\mu\text{m}$ loại bỏ mọi tạp chất, tạo lát cắt ổn định. Chất lượng nhất quán và được kiểm soát nghiêm ngặt đáp ứng yêu cầu khắt khe của phòng thí nghiệm. Thiết kế dạng vảy giúp cho thời gian nóng chảy nhanh hơn. Đóng gói: túi ≤ 1 kg, có thể đóng mở nhiều lần, dễ sử dụng	kg	825	

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất (nếu có)
211	Lam kính nhuộm H&E	Lam kính thủy tinh siêu trắng, hàm lượng sắt thấp, trong suốt, tiêu chuẩn chất lượng cao, có vùng nhẵn màu trắng ăn màu bút chì, bút lông. Kích thước #25x75mm, độ dày 1-1,2mm. góc 90 độ. Thành phần (tương đương hoặc tốt hơn): Silicon dioxide (SiO ₂): 69 - 74 %, Sodium oxide (Na ₂ O) 10 - 16 %, Calcium oxide (CaO) 5 - 14 %, Magnesium oxide (MgO) 0 - 6 %, Aluminium oxide (Al ₂ O ₃) 0 - 3 %, Nguyên tố vi lượng (FeO, etc.) < 5 %. Lam kính mỏng, phẳng, sạch, sẵn sàng sử dụng. Bề mặt được tích điện dương thích hợp cho các mẫu mô tươi, mô cắt lạnh, mẫu mô cố định bằng formalin, mô vùi parafin hoặc các mẫu tế bào, giảm thiểu sự mất mô (trôi mô) trong quá trình nhuộm, hạn chế làm lại xét nghiệm (tiết kiệm thời gian và chi phí)	Cái	33.000	
212	Lá kính (lamen) kích thước 24 x 40 mm	Kích thước 24 x 40 mm độ dày: 0,16mm – 0,19mm, dùng để dán các mẫu mô đúc khối, mẫu cắt lạnh, mẫu tế bào. Được thiết kế với kích thước và độ dày phù hợp để dùng được trên các dòng máy dán lamen tự động. Làm bằng thủy tinh borosilicate không màu, có chất lượng truyền quang phổ cao, chỉ số khúc xạ thích ứng phù hợp với kính hiển vi	Cái	30.000	
213	Lá kính (lamen) kích thước 24 x 24 mm	Kích thước 24 x 24 mm, dùng để dán các mẫu mô đúc khối, mẫu cắt lạnh, mẫu tế bào. Được thiết kế với kích thước và độ dày phù hợp để dùng được trên các dòng máy dán lamen tự động.	Cái	30.000	
214	Chất thay thế xylen không độc	- Chất thay thế xylen. - Thành phần: Naphtha (petroleum), hydrotreated heavy (57-63%); Naphtha (petroleum), light alkylate (37-43%) - Là hỗn hợp Hydrocarbon béo Isoparafinic để xử lý mô và nhuộm mô - Loại bỏ chất béo trong xử lý mô - Khử paraffin hoàn toàn và làm sạch trong quá trình nhuộm - Không làm cho mẫu bị khô cứng khi phơi nhiễm kéo dài - Sử dụng được cho tất cả các máy xử lý mô và máy nhuộm tự động - Không benzene, rất ít mùi.	Lít	500	
215	Axit nitric	Axit nitric (HNO ₃) đậm đặc, nồng độ >50%, chai tối thiểu 1 lít.	Chai	5	
216	Axit clohidric	Axit clohidric (HCl) đậm đặc, nồng độ >30%, chai tối thiểu 1 lít.	Chai	5	
217	Dung dịch Amoniac	Dung dịch amoniac, NH ₄ OH, nồng độ >20%, chai tối thiểu 1 lít	Chai	3	
218	Giấy lọc định tính lọc hóa chất	Giấy lọc định tính đường kính >10mm	Cái	600	

Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất: Nhà thầu (hoặc bên thứ ba có thỏa thuận với nhà thầu) cung cấp đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ để thực hiện các dịch vụ kỹ thuật, bao gồm cả hóa chất, vật tư dùng để thẩm định trước khi đưa vào sử dụng và tập huấn sử dụng, chuyển giao kỹ thuật liên quan đến hàng hóa trúng thầu khi sử dụng theo yêu cầu của Chủ đầu tư và có đầy đủ tài liệu pháp lý của dụng cụ, thiết bị hỗ trợ (nếu có) để đưa vào sử dụng tại Bệnh viện.

CÔNG TY.....
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Số điện thoại:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, thành phố Hồ Chí Minh
Theo thư mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB, Công ty chúng tôi báo giá theo như sau:

Stt	Thông tin theo thư mời chào giá			Thông tin hàng hóa chào giá							Tên thiết bị y tế hỗ trợ sử dụng (nếu có)	Ghi chú
	Stt TMCG	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Tên thương mại/ tên hàng hóa	Thông tin hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đvt	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)		
					- Ký mã hiệu/ mã sản phẩm: - Hãng sản xuất: - Xuất xứ: - Số lưu hành: - Quy cách đóng gói:	Lưu ý: Liệt kê các đặc tính hàng hóa chào giá tương ứng với đặc tính mời chào giá						Chứng minh giá chào.....

Đơn giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày chào giá
Chúng tôi cam kết: Về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại
Báo giá này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày báo giá
Thông tin liên hệ nhân sự phụ trách chào giá: (Họ tên, số điện thoại):.....

.....,ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)